

# CAO XUÂN DỤC

## Nhà văn hoá lớn thời cận đại

### I. Quê hương

Du khách từ bắc vào nam, đi trên quốc lộ 1A ngang qua vùng đất phì nhiêu của Thanh Hoá rồi vượt qua đèo Hoàng Mai, hoặc từ nam ra bắc, đi qua vùng đất cát của Quảng Bình, bước qua Đèo Ngang, du khách đã đến một trong những miền đất có những bản sắc và đặc điểm rõ nét hơn đâu hết của nước Việt Nam, đó là *xứ Nghệ Tĩnh* của ngày hôm qua và hôm nay.

Qua khảo sát địa chất của các nhà khoa học, Nghệ Tĩnh đã hình thành từ thời tiền sử. Đầu *thời kỳ đệ tứ kỷ* ( ère quaternaire ) nước biển tràn vào đến tận chân dãy Trường Sơn. Biển vào biển ra, đất ăn ra biển. Miền đồng bằng duyên hải theo đó nổi lên từ cuối đệ tứ kỷ cho đến nay, những cuộc chuyển động từ đầu thế kỷ đã tạo thành địa hình đồi núi, thung lũng..... đã hình thành một xứ Nghệ - Tĩnh.

Trên bờ những vũng được tạo ra trong điều kiện đó, con người của *thời kỳ đồ đá mới* đã sinh cơ lập nghiệp. Những thổ dân văn minh đầu tiên của Nghệ Tĩnh đã định cư, chủ yếu là người Chăm, sau đó là người Việt đã mở rộng bờ cõi về phương Nam. Những di chỉ tiền sử còn lưu lại bằng chứng như di chỉ văn hoá Quỳnh Văn thời kỳ *trung đồ đá mới* cách nay khoảng một vạn năm và kết thúc cách đây khoảng 5000 năm.

Nghệ Tĩnh là đất có nhiều truyền kỳ, mà còn là đất nổi tiếng trong lịch sử, có thể nói rằng nó đã đóng một vai trò rất lớn trong lịch sử Đại Việt cho đến thế kỷ XV.

Nghệ Tĩnh là quê hương của nhiều triều vua, đã sinh ra những vị đế vương, võ tướng, và cả những thi nhân.

Nghệ Tĩnh là quê hương của các bậc đại Nho lừng danh một thời.

Theo Đại Nam nhất thống chí chép :

“ Xưa là đất Việt Thường , đời Tần thuộc Tượng Quận , đời Hán thuộc Cửu Chân, đời Ngô chia quận Cửu Chân mà đặt quận Cửu Đức, đời Tùy Khai Hoàng đặt châu Hoan, Đại Nghiệp đổi là quận Nhật Nam, đời Đường đặt ba châu: Hoan, Diễn, và Đường Lâm. Nước ta đời Đinh, Lê là châu Hoan ; đời Lý năm Thuận Thiên thứ nhất lấy châu Hoan làm trại, năm Thông Thụy thứ 3 đổi là **châu Nghệ An** . Tên **NGHỆ AN** bắt đầu từ đây .”

Trên đất Nghệ An ngày nay, về mặt địa lý, có một vùng mà đồi núi bao vây tất cả các mặt, chỉ có mặt biển mở ra phía Đông ; thông ra phía Bắc bởi eo đèo

Hoàng Mai, và về phía Nam là eo đèo Đò Cấm. Trên vùng đất ấy cũng có những truyền kỳ lịch sử, những giai thoại về văn hoá của một địa phương tên là Diễn Châu.

Bước vào thời kỳ lịch sử, Diễn Châu là một bộ phận của Hoài Hoan, một trong 15 bộ của nước Văn Lang thời vua Hùng .

Thời Bắc thuộc, Diễn Châu thuộc quận Tượng, quận Nhật Nam đời nhà Hán, quận Cửu Đức đời nhà Ngô, quận Đức Châu đời nhà Lương, Hoan Châu đời nhà Tùy. Đầu nhà Đường, năm Trinh Quán thứ nhất (627) Đường Thái Tông đổi Đức Châu làm Hoan Châu, còn Hoan Châu thì gọi là Diễn Châu .

Cái tên **DIỄN CHÂU** có từ lúc đó đến nay .

Từ thế kỷ X- XIII trải qua các triều đại Khúc, Ngô, Đinh, Tiền Lê, huyện lỵ của Diễn Châu là Quy Lăng ( huyện Yên Thành ) .

1397 đến đời Trần ( vua Trần Nhân Tông ) đổi lỵ Diễn Châu thành trấn Vọng Giang .

Nhà Minh xâm lược, đổi An Nam thành quận Giao Chỉ, lập 17 phủ, 5 châu, trong đó có châu Diễn, lỵ sở ở thành Trại ( là một đồn biên phòng ở gần Cửa Vạn .

1400 Hồ Hán Thương đổi thành phủ Linh Nguyên.

1428 Lê Lợi lên ngôi chia nước ta làm 5 đạo: Đông, Tây, Nam, Bắc, ( tương ứng với Bắc bộ ngày nay ) và Hải Tây ( từ Thanh Hoá đến Thuận Hoá) Diễn Châu lúc đó thuộc Hải Tây.

1469 Lê Thánh Tông định lại bản đồ cả nước chia thành 15 thừa tuyên. Diễn Châu là 1 trong 15 phủ của thừa tuyên Nghệ An. Diễn Châu lúc này chỉ bao gồm 2 huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu ( Đông Thành gồm Diễn Châu . Yên Thành và một phần Nghĩa Đàn ngày nay ( lỵ sở là Đông Luỹ , xã Diễn Hồng ngày nay) . Tây Sơn - Nguyễn Huệ : đổi Nghệ An thành trấn Nghĩa An ( lỵ sở ở làng Tiên Lý , ngày nay là xã Diễn Ngọc )

1802 Gia Long lên ngôi, đổi Nghĩa An thành Nghệ An. Diễn Châu lúc này chỉ gồm 2 huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu. Đông Thành gồm 7 tổng : Cao Xá, Vạn Phần, Quan Trung, Quan Triều, Thái Trạch, Văn Tụ và Hoàng Trường .

1837 Minh Mạng thứ 16, chia huyện Đông Thành thành 2 huyện: Yên Thành ( phía bắc ) và Đông Thành ( phía nam ) thuộc phủ Diễn Châu. Lỵ sở phủ Diễn Châu lúc này là xã Yên Lăng ( thuộc xã Diễn Thành ngày nay ) . Lỵ sở của huyện Yên Thành ở Yên Lý ( xã Diễn Yên ngày nay ) . Về sau chợ Yên Lý gọi là chợ Huyện là như thế .

1851 Tự Đức thứ 4, bỏ chức tri huyện Yên Thành giao tri phủ Diễn Châu kiêm nhiệm.

1919 tách Quỳnh Lưu thành một đơn vị riêng , trực thuộc Nghệ An ; huyện Đông Thành thành phủ Diễn Châu. Phủ Diễn Châu lúc này gồm 5 tổng: Cao Xá, Lý Trai , Thái Xá , Quan Trung và Hoàng Trường .

Ngày 11- 9 – 2005 chính quyền huyện Diễn Châu đã tổ chức tọa đàm khoa học **1380 năm Diễn Châu (627 – 2007)** tại thị trấn Diễn Châu , đều nhất trí cho

rằng năm 627 (Trinh Quán thứ nhất Đường Thái Tông Lý Thế Dân) là năm có danh xưng Diển Châu trên mảnh đất của ngày hôm nay.

**DIỂN CHÂU** nằm ở ven biển, phía bắc tỉnh Nghệ An. Bắc giáp huyện Quỳnh Lưu, nam giáp huyện Nghi Lộc, tây và tây bắc giáp huyện Yên Thành, đông giáp biển ở vĩ độ 18.20 – 19.50 bắc và kinh độ 105.30 – 105.45. Đất cổ Diển Châu sớm mang trong mình tính lịch sử.

Khi nhắc lại một số sự kiện của những thời kỳ bán tiền sử:

Một con sông đã bị bồi lấp; trước đây gọi là Cửa Hiền nay người ta gọi vùng đó là “Cửa Lấp” (cửa sông bị bồi lấp) nằm ở phía bắc của núi Mộ Dạ.

**Núi Mộ Dạ**: Chính nơi đây vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên, An Dương Vương đã bị Triệu Đà đuổi bắt, và chết tại nơi đây.

Theo Đại Nam nhất thống chí: “*Núi Mộ Dạ có tên nữa là Dạ Mỗi, ở cách huyện Đông Thành 18 dặm về phía nam, cây cối xanh tốt, có nhiều chim công*” Ngoại sử chép: “*Thục vương đánh nhau với Triệu Đà bị thua, chạy đến bãi biển cầm ngọc vắn tê bầy tác nhảy xuống biển*” tức là chỗ này. Bài thơ của Bùi Huy Bích có câu rằng: “*Điều mang thủy tượng vắn tê khứ, Đoạn tục lâm biên không tước lai*” nghĩa là: “*Mệnh mông mặt biển cầm vắn tê mà đi, Tiếp nối bên rừng bầy không tước bay lại*”. Một khu rừng thiêng bao bọc phía tây ngọn núi, chính nơi đây là đền thờ An Dương Vương. Nay đền thờ An Dương Vương vẫn còn đó, nằm ở sườn phía tây núi Mộ Dạ, sát chân đường quốc lộ số 1A (nay thuộc xã Diển Trung, Diển An), là một di tích - thắng cảnh. Người dân nơi đây thường gọi là **Đền Công** (hay **Đền Công**) vì trước đây, nơi này có nhiều chim công bay về đây. Núi Mộ Dạ là một trong 6 thắng cảnh của non nước Diển Châu: “*Dạ sơn linh thiêng*”.

Thế kỷ XIV, dưới thời nhà Trần, người Chăm có những cuộc tấn công nước Đại Việt. Chính lúc bấy giờ nhà Trần cho xây thành đắp lũy khắp các cửa sông trên đất Nghệ Tĩnh. Có rất nhiều công trình phòng thủ của thời này, nay đã bị bãi bỏ. Ông Ninh đã sửa sang lại các công trình này vào thế kỷ XVIII, lúc đó đang diễn ra cuộc tranh chấp giữa Trịnh Nguyễn.

**Thành phủ Diển Châu**: Đại Nam Nhất thống chí ghi: *chu vi 237 trượng 2 thước, cao 5 thước 6 tấc, mở 3 cửa, hào rộng 1 trượng, sâu 6 thước, ở xã Cao Xá huyện Đông Thành; đời Lê, lỵ sở phủ ở xã Đông Lũy, đời Tây Sơn dời đến xã Tiên Lý, gọi là bảo Tiên Lý, năm Minh Mệnh thứ 3 đổi bảo Tiên Lý làm thành Diển Châu, năm thứ 5 dời đến chỗ hiện nay và đắp thành đất, năm thứ 13 đổi xây bằng đá sò. Trong sách An Tĩnh cổ lũy (1936): “*Dãy thành bảo vệ phủ lỵ Diển Châu và nhà cửa của cơ quan đại lý hành chính cũ của Pháp ngày nay là nơi đặt trường tiểu học, cũng chỉ xây dựng vào năm thứ 3 của triều Minh Mạng (1822). Tường lúc đầu chỉ làm bằng đất nện. Đến năm thứ 13 dưới triều ấy (1832) các tường bên trong được xây thêm cho chắc bằng đá sò, và thành ngoài bằng đá ong kết tụ. Trung tâm công nghiệp làm đá ong này ở huyện lỵ Nam Đàn*”.*

Diễn Châu cũng như toàn Nghệ Tĩnh nằm trong vòng cung lõm sâu (ở phía bắc bờ biển hình chữ S của nước ta) là một vùng vịnh nằm trong kiến tạo tân sinh. Qua quá trình biển bồi tụ, lấp những chỗ sâu, bào mòn các mỏm đá, tạo những thung lũng, những đồng bằng. Biển lùi dần ra ngoài để lại những trầm tích biển với các loại vỏ sò, ốc ....

Tại đó có cái gọi là “bãi sò” là lớp vỏ hào tự nhiên (khác với vỏ hào nhân tạo) do biển để lại khi rút lui vào thời kỳ cuối đệ tứ kỷ.

Ở mục “Núi sông” tỉnh Nghệ An, trong Đại Nam nhất thống chí có đoạn viết về bãi sò:

“*Bãi sò ở phía tây huyện Đông Thành, có tên nữa là **Ngoạ Long Cương**, cũng có tên là **Xác Long Cương**. Trong khoảng đất từ núi Mộ Dạ đến sông Phùng đều có vỏ sò, vỏ trai kết chặt, cứng rắn như đá, có mấy đường sòng nổi lên khi nổi khi dứt, người địa phương lấy để xây tường, xây nhà, và làm đá tảng. Phủ thành Diễn Châu xây bằng đá sò đều lấy ở đây. Trong sách An Tĩnh cổ lũy (1936), trang 87 có đoạn viết về bãi sò như sau:*

“*Ở gần thành Phủ Diễn có cái mà nhà Nho gọi là **Bạng Lạp sa**, thông thường gọi là “bãi sò”. Về lớp sò biển này, nhà nho Bùi Huy Bích đã làm một bài thơ tóm tắt như sau: “Nguồn gốc của bãi sò này là ở đâu? Từ nơi đền thờ hoàng đế Thục (An Dương Vương) cho đến sông Bùng, chính giữa đồng bằng nổi lên một cồn (đống) sò biển ăn sâu trong lòng đất. Những người thợ đá lấy đá ở đây, dẻo rất khéo rồi đem phơi khô cho cứng lại. Người ta dùng đá này để xây các đền đài miếu mạo, và làm những con ngựa và voi để trang trí các cổng đền chùa. Nơi này xưa kia là biển. Một biển có lớn đã đưa nó từ đáy biển nổi lên. Hiện tượng này đã bắt đầu từ thời kỳ nào? Không ai có thể nói được điều này. Phía trước nơi này, biển đã lùi ra nhưng có thể một ngày kia nó sẽ chiếm lại chỗ của nó. Đó là biểu hiện của những đổi thay của thăng trầm của số phận con người”. Từ lớp sò này đã có tên chữ Hán gọi là **Bạng cáp sa** (bài ký của Hoàng giáp Bùi Huy Bích), cũng có tên Bạng thành (lũy sò). Chữ Bạng thành được dùng trong văn học để chỉ “xứ Diễn Châu”, một điển cố của thi ca để nói lên sự khởi sắc gần đây của xứ Diễn Châu nhờ có các mỏ sò mà có được.*

Đông các đại học sĩ, Thượng thư bộ Học, Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục đã lấy tên gò này đặt tên hiệu cho mình là Long Cương, và cũng đặt tên tú sách của mình vào lớn nhất nhì của quốc gia, là Long Cương tàng bản. Con trai là Phó bảng Cao Xuân Tiếu, Hiệp biện đại học sĩ, Lễ bộ Thượng thư cũng lấy tên Bạng Sa đặt tên hiệu cho mình để ghi nhớ quê hương đất tổ của mình.

Nói tới Diễn Châu thì phải nói tới Lèn Hai Vai và con sông Bùng (hay Phùng) hay nói tới Sông Bùng và Lèn Hai Vai là nói tới Diễn Châu.

**Lèn Hai Vai tên gọi là *Lưỡng Kiên Sơn***. Trong sách Đại Nam nhất thống chí ghi là: “*Núi Di lạc ở cách huyện Đông Thành 13 dặm về phía tây, thế núi ở giữa cao mà hai bên thấp giống hai vai, trông như tượng Phật, nên*

gọi là núi Di Lạc , lại có tên núi Lương Kiên ( núi Hai Vai ) . Phía bắc núi có động , thạch nhũ ngũ sắc óng ánh , phía nam có khối đá đứng sừng như hình người , thuyền đi biển thường lấy làm chèo . Vua Lê Thánh Tông đi tuần du phương nam , ở ngoài biển trông vào núi này như hình người tiên búi tóc nên cho gọi tên Kế sơn (núi Búi tóc) . Năm Gia Thái thứ 3 tướng nhà Mạc là Nguyễn Quyện đem quân vào cướp Nghệ An , lúc ấy Lại quốc công nhà Lê là Phan Tích đem quân từ Thanh Hoá đến cứu viện bị thất trận ở đây .

Tại núi Hai Vai có nhiều tầng lớp văn hoá chồng lên nhau : có truyền Ông Đùng gánh núi , Ông Đùng lấy thiên thạch trên trời đem về luyện thành sắt , có truyền thuyết về tướng Cụt Đầu, về hang Tiên Động, hang Dơi, hang Mạc , hang Thần Đồng, và cả dấu vết của thời đại đồ đá mới. Còn có nhiều mẫu chuyện về lèn Hai Vai trong những năm Lê Lợi làm căn cứ chống quân Minh. trong những năm Lê - Mạc phân tranh ...

Khi ngắm dáng núi ở một góc độ khác nhau, người dân thường mừng tượng ra bao hình thù gần gũi với mình: người Diễn Minh, Diễn Bình làm ăn vất vả thì gọi đó là núi Hai Vai ; vùng Lý Trai , Đông Tháp có nhiều người đỗ đạt thì coi Hai Vai như một tấm bảng đá, Diễn Thái, Diễn Đông nhiều thóc thì nhìn như ông không lò gánh thóc . Vùng Nho Lâm thợ rèn lại nhìn như một cái đe . Vùng Diễn Thịnh , Diễn Trung làm thầy thuốc bắc nên nhìn dáng núi như con dao bầu Diễn Hoa đàn bà thanh lịch ngó núi như cô gái xoã tóc trên đôi vai trần nên gọi là núi Xoã. Xã Diễn Cát trước đây có nhiều người quan nhìn thấy núi như cái hia. Còn người dân thường thì gọi núi Hai Vai là núi Dặm vì nó nằm ở làng Kẻ Dặm còn gọi là núi Di Lạc vì trông giống như ông Phật đang ngồi .

“Lèn Hai Vai lung linh sinh động, vẫn là nơi gửi gắm niềm tin sức sống, lòng kiêu hãnh và tính đầu đầu yêu quê hương của người Diễn Châu. Lèn Hai Vai còn tiêu biểu cho cốt cách văn hoá, cho đạo lý làm người, cho cả những suy nghĩ ao ước về thế cuộc, về tương lai của người dân một vùng”. ( Ninh Viết Giao -Trần Hữu Thung. Diễn Châu -địa chí văn hoá và làng xã. NXB Nghệ An 1955). Từ xưa đến nay, lèn Hai Vai được xem là hình ảnh tượng trưng cho khí phách cứng cỏi và ý chí, đạo đức làm người của bà con Hoan Diễn

**Sông Bùng** : Ở Diễn Châu sát lèn Hai Vai là sông Bùng. Sông Bùng từ Yên Thành chảy xuống xã Diễn Minh, Diễn Bình, Diễn Cát về cầu Đò Đao, từ đó chảy qua các xã Diễn Phúc, Diễn Thành, Diễn Hoa, Diễn Ngọc, Diễn Kỳ rồi chảy xuống Diễn Vạn và đổ ra Cửa Vạn.

ĐNNNTC ghi : “ Sông Bùng ở cách huyện Đông Thành 2 dặm về phía tây bắc, có 2 nguồn: một từ sông Vũ, sông Du xã Vân Tụ và Khe Cát xã Quan Trung sông Bảo xã Thái Xá , kênh Sắt xã Cao Xá , các nguồn nước ấy hợp lại . Bền đò ngang đường trạm xã Phùng Xá , vòng quanh phía bắc phủ thành Diễn Châu đổ ra Cửa Vạn . ”

“Sông Bùng và lèn Hai Vai là cảnh quan thiên nhiên , sông nước hữu tình Vào những đêm thu trăng sáng, sau những cơn mưa rào , ánh trăng trải vàng trên

mặt sông, bầu trời cao lồng lộng, vàng trắng treo lơ lửng trên không, lèn Hai Vai soi bóng trên dòng sông khiến cho nhiều nhà thơ say cảnh mà làm nên nhiều bài thơ hay về quê hương mình ...Người Diễn Châu ngẩng đầu thấy Hai Vai, cúi đầu ngó thấy bóng mình trong sông Bùng. Sông Bùng và Lèn Hai Vai tượng trưng cho tinh thần vừa mạnh mẽ, cứng cỏi, vừa thơ mộng của người Diễn Châu – cũng như sông Lam núi Hồng tượng trưng cho tinh thần, cho khí chất của con người xứ Nghệ vậy.( Diễn Châu - địa chí văn hoá và làng xã. NXB Nghệ An 1955 ).

Diễn Châu trong lịch sử là **“vùng trọng trấn”**, **“đất thẳng địa”**, **“chỗ đứng chân”**, **“nơi phen đậu”**, của nước nhà, và là **“vùng viễn trấn”** của các triều đại xưa.

Diễn Châu nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại ở miền biển nên thời tiết khí hậu thường nhận 3 luồng gió :

- Gió mùa đông bắc
- Gió mùa tây nam (gió Lào)
- Gió đông nam mát mẻ từ biển thổi vào

Khí hậu Diễn Châu chia làm 2 mùa :

- Mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10 dương lịch
- Mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4 dương lịch

Mặc dù bị gió Lào nóng cháy thổi về, nhưng nhờ có gió biển nên không khí được dịu đi một phần, cũng như gió mùa đông bắc kèm theo mưa phùn, nhưng vì ở xa dãy Trường Sơn nên mưa phùn và gió mùa đông bắc không kéo dài như những nơi khác.

Diễn Châu có đường quốc lộ 1A đi qua dài 30 km, có quốc lộ 7 từ Ngã Ba Diễn Châu đi qua Lào, có kênh Nhà Lê (còn gọi là Kênh Sát) từ Nghi Lộc chảy song song với QL 1A rồi nhập vào sông Bùng đi ra biển.

Diễn Châu có cả đường biển qua hải phận Diễn Châu, và thường lấy lèn Hai Vai làm mốc; có Cửa Vạn thuyền bè (nóc) buôn bán, đánh cá ra vào tấp nập.

Diễn Châu có nhiều nghề thủ công truyền thống từ bao đời nay như nghề luyện quặng và rèn sắt ở Nho Lâm, nghề đúc đồng ở Diễn Tháp, nghề dệt vải và tơ lụa ở Phụng Lịch, và nghề làm nước mắm với thương hiệu Nước mắm Vạn Phần nổi tiếng, sánh ngang với các hãng nước mắm Hải Phòng, nước mắm Phan Thiết, nước mắm Nam Ô thời trước.

Diễn Châu đất xấu dân nghèo, tập tục cần kiệm, nhà nông chăm chỉ ruộng nương, học trò ưa chuộng học hành. Trường học phủ Diễn Châu ở phía nam phủ thành, được xây dựng từ năm Minh Mạng thứ 3.

Phủ Diễn Châu gồm có 5 tổng : Cao Xá, Lý Trai, Thái Xá, Quan Trung và Văn Tú.

**Xã Cao Xá** (thuộc tổng Cao Xá) gồm 11 làng, sau này chia thành 2 xã Diễn Thịnh và Diễn Thành.

- Xã Diễn Thịnh gồm có làng Tiên Song, Trung Song (có Trung Song đạo và Trung Song đời), Đức Hậu, Thịnh Mỹ, Hậu Giáp .

- Xã Diễn Thành gồm có làng Phú Trung, Phú Môn, Xuân Lôi, Xuân An, Yên Lăng, Mai Các.

( Đầu năm 1946, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện chủ trương cải cách hành chính, bỏ cấp Tổng, nhập các làng thành các xã, các xã nhỏ thành các xã lớn .

Sau Cách mạng tháng 8(1945) Diễn Thịnh lúc đó có tên là xã Chí Minh  
1946- 12/1949 xã Chí Minh sát nhập với xã Song Tân thành xã Diễn Thành.  
1/1950 – 9/1953 xã Diễn Thành sát nhập với xã Phú Tân thành xã Tân Diễn.  
9/1953 xã Tân Diễn tách thành 5 xã : Diễn Thịnh, Diễn Thành, Diễn Tiến, Diễn Phúc, và Diễn Tân .

Tên xã **DIỄN THỊNH** ổn định từ đó đến nay .  
1959 – 1960 khi thành lập Hợp tác xã nông nghiệp, Diễn Thịnh có 17 xóm cũng là tên 17 hợp tác xã .

1972 các hợp tác xã được sát nhập thành Hợp tác xã bậc cao và có tên mới từ xóm 1 ( còn gọi là Đội 1 ) đến xóm 20 (Đội 20 ) trong đó có 2 xóm 9A và 9B , 11A và 11B gồm tất cả 22 đội .

Số dân thuộc các xóm 12,13 ,14,15,16 17,18,19,20,và một ít ở xóm 10 là cư dân làng Tiên Song cũ (thường gọi là làng Tiên ). Xóm 12,13,phần lớn là dân ngụ cư trong đó có dân Thịnh Mỹ .

Số dân định cư ở các xóm 11A, 11B (công giáo toàn tòng), xóm 10 và một số ở xóm 12 là làng Trung Song cũ.

Các xóm 8, 9A, 9B, là nơi định cư của dân làng Đức Hậu cũ .

Làng Hậu Giáp cũ hầu hết nay định cư ở xóm 7 .

Làng Thịnh Mỹ (thường hay gọi là làng Thịnh) nay là cư dân ở các xóm : 1, 2, 3, 4, 5, 6 .

Những tên làng, tên xóm cũ vẫn mang dấu ấn sâu sắc, lắng đọng mãi trong lòng người .

Theo sử sách, làng *Thịnh Mỹ (cũ)* lúc đầu có tên gọi là LONG (vì làng ở rải rác theo 2 bờ “ rục” chạy uốn khúc như một con rồng, hơn nữa phía tây-bắc có ngôi chùa tên là Chùa Rồng . Đến đời Gia Long, do ngại phạm húy nên làng đổi tên làng là Thịnh Khánh. Đến đời Đồng Khánh lại đổi thành làng Thịnh Mỹ. (bản đồ cũ của Sở Địa dư Đông Dương năm 1937 cũng ghi là làng Thịnh Mỹ ). Làng Thịnh xưa gồm có 11 xóm : xóm Đình, xóm May, xóm Nồm, xóm Giữa, xóm Đồng Cộ, xóm Côi, xóm Chùa, xóm Sò Hàng, xóm Dâu và 2 xóm nhỏ là xóm Cu Điền và xóm Bể. Khi thành lập hợp tác xã nông nghiệp 1959-1960 lại có tên gọi là Hợp tác xã Bắc Thịnh, Nam Thịnh, Thịnh Đồng và Đồng Thịnh, Thịnh Vinh, Thịnh Quang .

Cấu trúc làng xã ở Việt Nam nói chung, ở làng Thịnh nói riêng đều bắt nguồn từ địa lý và vai trò, vị thế của dòng họ, chi họ cũng như tôn giáo tín ngưỡng. Diên Thịnh có gần 30 dòng họ cộng cư thành làng xóm : họ CAO, HOÀNG, NGUYỄN, PHẠM, PHAN, NGÔ, ĐINH, LÊ, ĐẶNG, VŨ, THÁI, HỒ, BÙI, KIỀU, MA, LÝ, TRƯƠNG, LÂM, CHU, PHÙNG, LÃ, MẠCH, TRẦN, LƯƠNG, ĐẬU, ĐÀO...

Hàng bao thế kỷ nay người dân chỉ biết có làng. Tập tục làng, truyền thống làng là chất keo gắn kết đặc thù mọi thành viên của làng. Dù biến động lịch sử nào, theo văn minh phương Đông hay phương Tây, làng vẫn tồn tại một cách tự nhiên với sự cố kết cộng đồng đầy bản sắc của nó. Người dân quan niệm “Nước xử theo luật nước, làng xử theo lệ làng”, “Phép vua thua lệ làng”, vừa phục tùng quốc gia vừa không phục tùng quốc gia, như làng là một thể chế đồng đẳng với quốc gia.

Một nét đẹp về sinh hoạt văn hoá, tinh thần của làng, xã xưa là “*cây đa – giếng nước – đình làng*”.

Cây đa – giếng nước – đình làng mãi mãi là hình ảnh thân thương, triu mến, và thiêng liêng trong mỗi người dân (nhất là những người cao tuổi) vì nó đã in đậm dấu ấn lịch sử của làng, của dân tộc.

Diên Thịnh nói chung, Thịnh Mỹ nói riêng mặc dù là vùng đất được hình thành, phát triển trên mảnh đất vốn là biển cả, rừng rậm, hoang vu, thiên tai và giặc giã, người dân vẫn, và đã chế ngự thiên nhiên tạo dựng nên làng mạc quê hương bằng sự *cần cù lao động và truyền thống hiếu học*.

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945 nhân dân sống bằng nghề nông và một phần kết hợp đánh bắt cá. Lao động chủ yếu bằng cơ bắp, công cụ lao động giản đơn. Việc cày bừa chủ yếu là cày chia vôi, bừa chữ chỉ, không có trâu bò thì phải cuốc xới. Đánh bắt cá trên biển cũng chỉ với dụng cụ thô sơ : chiếc bè bằng mấy cây mét ghép lại, buổi chiều căng buồm ra khơi, sáng hôm sau quay buồm mang cá đánh bắt được trở về, để rồi hôm sau tùy theo thời tiết lại tiếp tục giăng buồm ra khơi đánh bắt cá. Ven bờ thì đi cái kheo xúc ruốc, cái nạo thô sơ đào bắt con nghêu, con ốc, con don.

Thịnh Mỹ là một trong những nơi nổi tiếng về hiếu học và học giỏi, chuộng văn chương, trọng đạo lý làm người. Làng Thịnh đã có chế độ học điền. Tộc họ đã dành một số ruộng đất để giúp đỡ, ban thưởng những người học hành có khó khăn về gia cảnh, và cả với những người hoạt động cứu nước (như học điền 20 mẫu của họ Cao Xuân giúp các nhà hoạt động trong phong trào Văn Thân).

Làng Thịnh có nhà Tư Văn ở xóm Côi. Phía tây làng Thịnh có nhà Tiên hiền và Hậu hiền mà nhân thường gọi là Đình Xã (sát quốc lộ 1A). Hằng năm vào dịp đầu xuân họ hội tụ về đây để tế lễ đức Thánh Quan và bàn chuyện văn chương, võ nghệ. Nhà Tiên hiền trong những năm đầu thế kỷ 20 là nơi học chữ



Hán và chữ quốc ngữ cho những người có điều kiện. Năm 1927 đây là một trong 2 nơi của tổng Cao Xá được thành lập trường Sơ đẳng Tiểu học (Nho Lâm và Thịnh Mỹ). Nhà Hậu hiền dành cho những người ưa chuộng võ nghệ.

Sự học của Diễn Thịnh cũng như của Thịnh Mỹ nói riêng còn thể hiện qua những con đường, ngôi nhà, cái giếng ... được tạo dựng để tưởng nhớ công lao và cô vũ người dân nơi đây. Qua sử sách, từ thời Hậu Lê đến triều Nguyễn ở Diễn Thịnh đã có gần 100 vị đỗ đạt từ tú tài, cử nhân, phó bảng đến tiến sĩ. Dưới triều Nguyễn có 4 người đậu thủ khoa về cử nhân thì Diễn Thịnh có một: ông Cao Hữu Chí đậu năm Giáp Thân 1848. Có người tuy chỉ đậu cử nhân nhưng do miệt mài học tập mà trở thành người uyên bác như cụ Cao Xuân Dục là Chánh chủ khảo kỳ thi Hương, thi Hội lại vừa là người biên soạn bộ Đại Nam Nhất Thống Chí (1910) và để lại cho đời hơn 20 bộ sách quý do ông biên soạn thuộc các lĩnh vực văn, thơ, địa lý, lịch sử, triết lý, giáo dục, pháp lý, là Tổng Tài Quốc Sử quán, kiêm quản Quốc Tử Giám lĩnh Học Bộ Thương thư, Phụ Chính Đại Thần, Lưu kinh Đại Thần, được phong Thái Tử Thiếu Bảo (thầy dạy học của vua Duy Tân), Đông Các Đại Học Sĩ – Vinh Lộc Đại Phu (1842-1923), An Xuân Tử\*.

Cao Xuân Trứ  
2010

\*tước TỬ là một trong 5 tước : CÔNG, HẬU, BÁ, TỬ, NAM.

Sách tham khảo :

- An Tĩnh cổ lũy . Hippolyte Le Breton . ( Le vieux An Tĩnh ) .Tập san Đô thành hiếu cổ xuất bản 1936 . *Người dịch* : Nguyễn Đình Khang và Nguyễn Văn Phú . *Người hiệu đính* : Chương Thâu và Phan trọng Báu .Nxb Nghệ An – Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây .2005
- Đại Nam dư địa chí ước biên . Cao Xuân Dục . NXB Văn Học
- Đại Nam nhất thống chí . Tổng tài Cao Xuân Dục .
- Đại Việt sử ký toàn thư .
- Lịch sử truyền thống Đảng bộ và Nhân dân xã Diễn Thịnh . Nxb Văn hoá thông tin - Hà Nội . 2009 .
- 1380 năm Diễn Châu ( 627 – 2007 ) . Kỷ yếu tọa đàm khoa học ngày 11 – 9 – 2005 tại thị trấn Diễn Châu .2005 .
- Quan và Lại ở miền Bắc (một bộ máy hành chính trước thử thách (1820-1918). Emmanuel Poisson.(Mandarins et subalternes au nord du Viet Nam – Une bureaucratie à l'épreuve (1820-1918) Đào Hùng và Nguyễn Tấn Sự dịch.NXB Đà Nẵng.2006.